

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO
SEAREFICO CORPORATION

-----o0o-----

Số/No.: 027./CV/SRF/BTGD/26

V/v: Giải trình biến động số liệu

Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 so với 2025

*Re: Explanation of business result
semi- annual financial statements
for 2026 and 2025*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

-----o0o-----

TP. HCM, ngày 29 tháng 8 năm 2026

HCM City, Aug 29th, 2026

Kính gửi - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
To - THE STATE SECURITIES COMMISSION
- HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE (HOSE)

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
Based on Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance providing guidelines on the disclosure of information in the securities market;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2026 và bán niên năm 2025 đã được công bố.
Based on the separate and consolidated semi- annual financial statements for 2026 and 2025 that have been disclosed.

Công ty Cổ phần Searefico (Mã CK: SRF) giải trình về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 như sau:

Searefico Corporation (SRF) provides the following explanation on business result in the semi-annual financial statements for 2026:

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT / CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT

1. Giải trình biến động số liệu sau khi soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 so với số liệu sau khi soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2025

Explanation of business result after the review of semi-annual FS for 2026 in compared to after the review of semi-annual FS for 2025

CHỈ TIÊU ITEMS	6M.2026 VND	6M.2025 VND	BIẾN ĐỘNG VARIANCE +/- VND	TỶ LỆ RATE +/- %
Doanh thu thuần <i>Revenue</i>	649.035.489.172	432.718.829.315	216.316.659.857	49,99%
Giá vốn hàng bán/ <i>COGS</i>	611.441.201.145	465.122.717.819	146.318.483.326	31,46%
Lợi nhuận gộp <i>Gross profit</i>	37.594.288.027	(32.403.888.504)	69.998.176.531	-216,02%
Doanh thu hoạt động tài chính <i>Financial Income</i>	142.281.263.925	192.125.988.515	(49.844.724.590)	-25,94%
Chi phí tài chính <i>Financial expenses</i>	37.840.260.706	31.511.452.600	6.328.808.106	20,08%

Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>SG&A</i>	82.031.994.042	92.762.478.776	(10.730.484.734)	-11,57%
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	34.784.537.698	10.790.616.516	23.993.921.182	222,36%
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	15.213.766.399	5.544.417.586	9.669.348.813	174,40%

Nguyên nhân chính dẫn đến tăng lợi nhuận sau thuế hợp nhất so với cùng kỳ là do trong 6 tháng năm 2025, nhóm Công ty ghi nhận khoản thu nhập tài chính từ việc chuyển nhượng cổ phần tại công ty con. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả thực hiện quyết toán và thu hồi công nợ các dự án, nhóm Công ty giảm trích lập dự phòng phải thu khó đòi các dự án.

The main reason for the increase in consolidated profit after tax compared to the corresponding period last year was that, in the first six months of 2025, the Group recorded financial income from the transfer of shares in a subsidiary. In addition, based on the results of project settlement and the collection of outstanding receivables from projects, the Group reduced the provision for doubtful accounts relating to projects..

- Giải trình biến động kết quả kinh doanh sau khi soát xét bán niên năm 2026 so với trước soát xét bán niên năm 2026

Explanation of business result after the review of semi-annual FS for 2026 in compared to before the review of semi-annual FS for 2026

CHỈ TIÊU ITEMS	6M.2026 (sau soát xét BCTC bán niên 2026/ <i>After the review of semi-annual FS for 2026</i>) VND	6M.2026 (trước soát xét BCTC bán niên 2026/ <i>Before the review of semi-annual FS for 2026</i>) VND	BIẾN ĐỘNG VARIANCE +/- VND	TỶ LỆ RATE +/- %
Doanh thu thuần <i>Revenue</i>	649.035.489.172	651.763.571.877	(2.728.082.705)	-0,42%
Giá vốn hàng bán/ <i>COGS</i>	611.441.201.145	626.600.413.157	(15.159.212.012)	-2,42%
Lợi nhuận gộp <i>Gross profit</i>	37.594.288.027	25.163.158.720	12.431.129.307	49,40%
Doanh thu hoạt động tài chính <i>Financial Income</i>	142.281.263.925	128.907.860.747	13.373.403.178	10,37%
Chi phí tài chính <i>Financial expenses</i>	37.840.260.706	36.089.075.846	1.751.184.860	4,85%
Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>SG&A</i>	82.031.994.042	89.089.708.809	(7.057.714.767)	-7,92%
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	34.784.537.698	30.927.451.860	3.857.085.838	12,47%
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	15.213.766.399	10.749.311.854	4.464.454.545	41,53%

Nguyên nhân chính dẫn đến tăng lợi nhuận sau thuế hợp nhất giữa số liệu sau khi soát xét bán niên năm 2026 so với trước khi soát xét do đến từ hoạt động thoái vốn khoản đầu tư

The main reason for the increase in consolidated profit after tax between the reviewed figures and the pre-review figures for the semi-annual FS for 2026 was primarily attributable to the divestment of an investment.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG / *SEPARATE FINANCIAL STATEMENT*

Giải trình biến động số liệu sau khi soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 so với số liệu sau khi soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2025

Explanation of business result after the review of semi-annual FS for 2026 in compared to after the review of semi-annual FS for 2025

CHỈ TIÊU ITEMS	6M.2026 VND	6M.2025 VND	BIẾN ĐỘNG VARIANCE +/- VND	TỶ LỆ RATE +/- %
Doanh thu thuần <i>Revenue</i>	223.372.416.444	59.800.274.796	163.572.141.648	273,53%
Giá vốn hàng bán/ <i>COGS</i>	231.437.913.071	115.109.697.465	116.328.215.606	101,06%
Lợi nhuận gộp <i>Gross profit</i>	(8.065.496.627)	(55.309.422.669)	47.243.926.042	-85,42%
Doanh thu hoạt động tài chính <i>Financial Income</i>	125.044.290.601	169.927.413.424	(44.883.122.823)	-26,41%
Chi phí tài chính <i>Financial expenses</i>	44.607.207.081	29.646.580.149	14.960.626.932	50,46%
Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>SG&A</i>	36.533.771.266	56.401.631.491	(19.867.860.225)	-35,23%
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	30.736.121.197	2.532.839.573	28.203.281.624	1113,50%
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	24.381.879.600	548.975.976	23.832.903.624	4341,34%

Nguyên nhân chính dẫn đến tăng lợi nhuận sau thuế giữa số liệu soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 so với cùng kỳ do 6 tháng đầu năm 2025, công ty ghi nhận khoản thu nhập tài chính từ việc chuyển nhượng cổ phần công ty con. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả thực hiện quyết toán và thu hồi công nợ các dự án, công ty giảm trích lập dự phòng phải thu khó đòi các dự án

The main reasons for the increase in profit after tax between the reviewed financial statements for the semi-annual FS for 2026 and the corresponding period of 2025 were that, in the first six months of 2025, the Company recorded financial income from the transfer of shares in a subsidiary. In addition, based on the results of project settlement and the collection of outstanding receivables from projects, the Company reduced the provision for doubtful accounts relating to projects.

Công ty Cổ phần Searefico xin giải trình đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Quý cổ đông nắm rõ.

Searefico Corporation would like to provide this explanation to the State Securities Commission, the Ho Chi Minh City Stock Exchange, and all shareholders for their understanding.

Trân trọng./.

Sincerely./.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/ As stated aboved;
- HĐQT (báo cáo)/ BOD (reported);
- Lưu VT/Archived.

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO

SEAREFICO CORPORATION

Tổng Giám đốc/Chief Executive Officer



NGUYỄN KHOA ĐĂNG



h